TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/8/2024
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Ba và ông Ngô Rạng Đông.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Tặng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2024/TLST - HNGĐ ngày 25/4/2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/7/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Hồ Thị Hồng L**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu phố 1, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG (*Có đơn xin vắng mặt*).

* *Bị đơn*: Anh **Bùi Thanh P**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 1, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị Hồng L trình bày và yêu cầu như sau*:

- *Về hôn nhân*: Chị L và anh P chung sống với nhau từ năm 2009 và có thực hiện việc đăng ký kết hôn, anh chị đã được Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CĐ, thành phố CT cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/02/2011.

Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2024 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P có quen người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc. Chị L cố gắng chịu dựng để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng anh P không thay đổi mà mâu thuẫn giữa chị và anh P ngày càng trầm trọng hơn.

Xét thấy, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, hôn nhân không thể kéo dài nên chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh P.

- *Về con chung*: Chị và anh P có 01 con chung là Bùi Thanh Đ (*sinh ngày 28/10/2010, giới tính nam*). Khi ly hôn, tùy theo nguyện vọng của cháu Đ, nếu cháu Đ có nguyện vọng sống chung với chị L thì chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L xác nhận, trong quá trình chung sống chị và anh P không tạo lập được tài sản chung và không phát sinh nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Thanh P không có lời trình bày.*

** Tại phiên tòa*:

- *Chị L và anh P:* Vắng mặt không có lời trình bày.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Cho chị L được ly hôn với anh P.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thanh Đ (*sinh ngày 28/10/2010, giới tính nam*) cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Buộc chị L chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Hồ Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Thanh P và yêu cầu được nuôi con là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

Khi chị L khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh P đang cư trú và sinh sống tại khu phố 1, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với anh P nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do. Trường hợp vắng mặt của anh P không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và chị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh P.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh P chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TP, huyện CĐ, thành phố CT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/02/2011 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của L đối với anh P: Chị L cho rằng trong thời gian chung sống giữa chị và anh P thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết ly hôn với anh P và qua xác minh cho thấy trong quá trình chung sống giữa chị L và anh P có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được là đúng.

Đồng thời, chị L cho rằng chị và anh P đã ly thân từ Tết nguyên đán 2024 đến nay nhưng anh chị không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, việc ly thân này đã làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Mặc khác, sau khi Tòa án thụ lý đã tiến hành thông báo cho anh P được biết và triệu tập anh P để lấy lời khai nhưng anh P luôn vắng mặt, anh P cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị L.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị L được ly hôn với anh P.

[3] *Về quan hệ con chung:* Trong quá trình giải quyết, chị L xác nhận có 01 con chung là Bùi Thanh Đ (*sinh ngày 28/10/2010*), hiện nay đang chung sống cùng chị L.

HĐXX xét thấy, hiện nay cháu Đ đã trên 07 tuổi nên Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu và tại biên bản lấy ý kiến ngày 03/5/2024 (có sự chứng kiến của chị L) cháu Đ có nguyện vọng tiếp tục sống cùng chị L nên việc giao cháu Đ cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị L và anh P ly hôn là cần thiết và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 nên

HĐXX thống nhất giao cháu Đ cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, do chị L tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét. Nhưng khi cần thiết, chị L có quyền yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Trong quá trình giải quyết, chị L xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*. Buộc chị L phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Hồ Thị Hồng L được ly hôn với anh Bùi Thanh P.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu cháu Bùi Thanh Đ (*sinh ngày 28/10/2010, giới tính nam*) cho chị L trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Khi cần thiết, chị L có quyền yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Anh P không trực tiếp nuôi con nhưng lạm dụng vào việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L xác nhận không có nên không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Hồ Thị Hồng L chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0000061

ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Chị L không phải nộp thêm.

5. *Quyền kháng các:* Chị L và anh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp. Phú Quốc;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã TP, CĐ - CT;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Cẩm Lình